

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 249 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Văn Minh**

2/ Ông **Tạ Công Minh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp M, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh **Dương Văn Đ**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp M, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Dương Văn Đ chung sống với nhau vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ có quan hệ tình cảm với

người phụ nữ khác. Bà và ông Đ không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên Dương Văn Q, sinh năm 1995 và Dương Văn H, sinh năm 1998, tất cả hai con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên hòa giải ngày 02/4/2021 bị đơn ông Dương Văn Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Võ Thị T chung sống với nhau vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Ông và bà T chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như bà T trình bày là đúng. Ông và bà T đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Dương Văn Q, sinh năm 1995 và Dương Văn H, sinh năm 1998, tất cả hai con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn là ông Dương Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Dương Văn Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu của bà Võ Thị T:

Bà T và ông Đ chung sống với nhau từ năm 1993 cho đến nay. Bà T và ông Đ có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng đã không tiến hành các thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do bà T và ông Đ không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa bà T và ông Đ không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình chung sống, thời gian

đầu bà T và ông Đ sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Hiện tại bà T và ông Đ đều xác định không còn tình cảm gì với nhau, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ và ông cũng Đ đồng ý ly hôn với bà T. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 con chung tên Dương Văn Q, sinh năm 1995 và Dương Văn H, sinh năm 1998, hiện tại hai con chung của bà T và ông Đ đều đã trưởng thành, bà T và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông Đ không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Võ Thị T và ông Dương Văn Đ là vợ chồng.
2. Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004046 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.
3. Bà Võ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn